

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc,
chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ chi tiếp khách
trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước;

Xét Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định chế độ chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này Quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế (sau đây viết tắt là hội nghị) và chế độ chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị).

2. Đối tượng áp dụng

a) Ủy ban nhân dân các cấp.

- b) Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.
- c) Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.
- d) Các tổ chức sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Điều 2. Mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại tỉnh Quảng Ngãi do tỉnh Quảng Ngãi chi toàn bộ chi phí

1. Chi đón, tiễn khách tại sân bay

Chi tặng hoa cho các đối tượng sau: Trưởng đoàn và Phu nhân (Phu quân) đối với khách hạng đặc biệt; tặng hoa trưởng đoàn khách hạng A, hạng B. Mức chi tặng hoa: 300.000 đồng/1 người.

2. Chi về thuê chỗ ở (bao gồm bữa ăn sáng)

a) Khách hạng đặc biệt: Tiêu chuẩn về thuê chỗ ở do thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đón tiếp phê duyệt.

b) Đoàn là khách hạng A:

Trưởng đoàn: 4.500.000 đồng/người/ngày; phó đoàn: 3.500.000 đồng/người/ngày; đoàn viên: 2.000.000 đồng/người/ngày.

c) Đoàn là khách hạng B:

Trưởng đoàn, phó đoàn: 3.500.000 đồng/người/ngày; đoàn viên: 2.000.000 đồng/người/ngày.

d) Đoàn khách hạng C:

Trưởng đoàn: 2.000.000 đồng/người/ngày; đoàn viên: 1.500.000 đồng/người/ngày.

đ) Khách mời quốc tế khác: 600.000 đồng/người/ngày.

e) Trường hợp thuê chỗ ở không bao gồm tiền ăn sáng trong giá thuê thì cơ quan, đơn vị tiếp khách chi tiền ăn sáng tối đa bằng 10% mức ăn của một người trong 01 ngày đối với từng hạng khách. Tổng mức tiền thuê chỗ ở trong trường hợp không bao gồm tiền ăn sáng và mức chi tiền ăn sáng cho khách không vượt quá mức chi thuê chỗ ở quy định tại khoản 2 Điều này.

3. Chi ăn hàng ngày (bao gồm 2 bữa trưa, tối): Mức chi ăn hàng ngày quy định tại khoản này đã bao gồm tiền đồ uống (khuyến khích sử dụng đồ uống sản xuất tại Việt Nam), cụ thể

a) Khách hạng đặc biệt: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đón tiếp phê duyệt trong chương trình, đề án đón đoàn.

b) Đoàn là khách hạng A: 1.000.000 đồng/ngày/người;

c) Đoàn là khách hạng B: 800.000 đồng/ngày/người;

d) Đoàn là khách hạng C: 600.000 đồng/ngày/người;

đ) Khách mời quốc tế khác: 500.000 đồng/ngày/người.

e) Trong trường hợp cần thiết phải có cán bộ của cơ quan, đơn vị đón tiếp đi ăn cùng đoàn thì được tiêu chuẩn ăn như đối với đoàn viên của đoàn khách nước ngoài.

4. Tổ chức chiêu đãi

a) Khách hạng đặc biệt: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đón tiếp phê duyệt trong chương trình, đề án đón đoàn.

b) Đối với khách hạng A, hạng B, hạng C: Mỗi đoàn khách được tổ chức chiêu đãi một lần. Mức chi chiêu đãi khách tối đa không vượt quá mức tiền ăn một ngày của khách theo quy định tại khoản 3 Điều này.

c) Trong ngày tổ chức tiệc chiêu đãi, thì bữa trưa (hoặc bữa tối) còn lại (nếu có) được thực hiện bằng 50% tiêu chuẩn ăn hàng ngày theo quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Tiêu chuẩn tiếp xã giao và các buổi làm việc

a) Khách hạng đặc biệt: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đón tiếp phê duyệt trong chương trình, đề án đón đoàn.

b) Đoàn là khách hạng A: 120.000 đồng/người/01 buổi làm việc (nửa ngày);

c) Đoàn là khách hạng B: 70.000 đồng/người/01 buổi làm việc (nửa ngày);

d) Đoàn là khách hạng C, khách quốc tế khác: 50.000 đồng/người/01 buổi làm việc (nửa ngày);

đ) Đại biểu và phiên dịch tham gia tiếp khách được áp dụng tiêu chuẩn tiếp xã giao như thành viên của đoàn theo quy định tại điểm a, b, c khoản 5 Điều này.

6. Chi dịch thuật

a) Chi biên dịch

Biên dịch một trong 6 ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc sang Tiếng Việt (gồm: tiếng Ả Rập, tiếng Hoa, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Tây Ban Nha): 120.000 đồng/trang (350 từ).

Biên dịch Tiếng Việt sang một trong 6 ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc: 150.000 đồng/trang (350 từ).

Đối với các ngôn ngữ ngoài ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc, cơ quan, đơn vị quyết định mức chi biên dịch được phép tăng tối đa 30% so với các mức chi tại tiết 1, 2 điểm a khoản 6 Điều này.

b) Chi dịch nói

Dịch nói thông thường: 200.000 đồng/giờ/người, tương đương 1.600.000 đồng/ngày/người làm việc 8 tiếng; dịch đuổi (dịch đồng thời): 300.000 đồng/giờ/người, tương đương 2.400.000 đồng/ngày/người làm việc 8 tiếng.

c) Việc thuê biên dịch, phiên dịch tại điểm a, b khoản 6 Điều này được thực hiện khi cơ quan, đơn vị không có người biên dịch, phiên dịch đáp ứng được yêu cầu. Trường hợp cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ của cơ quan, đơn vị để tham gia công tác biên dịch, phiên dịch thì được thanh toán tối đa bằng 30% mức chi biên dịch, phiên dịch tại điểm a, b khoản 6 Điều này.

7. Chi văn hóa, văn nghệ và tặng phẩm

a) Chi văn hóa, văn nghệ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư số 71/2018/TT-BTC.

b) Chi tặng phẩm: Tặng phẩm là sản phẩm do Việt Nam sản xuất và thể hiện bản sắc văn hoá dân tộc, mức mua quà tặng cụ thể như sau:

Đối với đoàn là khách hạng đặc biệt: Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ đón tiếp phê duyệt trong chương trình, đề án đón đoàn.

Đối với đoàn khách hạng A: Trưởng đoàn khách 1.000.000 đồng/người. Trường hợp có Phu nhân (Phu quân) của Trưởng đoàn đi cùng đoàn, mức chi tặng phẩm đối với Phu nhân (Phu quân) 1.000.000 đồng/người. Trường hợp đặc biệt theo yêu cầu đối ngoại hoặc theo thông lệ ngoại giao giữa hai nước, thủ trưởng cơ quan đón tiếp đoàn xem xét, quyết định việc tặng phẩm tặng thành viên chính thức và quan chức tùy từng trong kế hoạch, đề án đón đoàn, mức chi: 400.000 đồng/người.

Đối với đoàn khách hạng B: Trưởng đoàn khách 700.000 đồng/người. Trường hợp có Phu nhân (Phu quân) của Trưởng đoàn đi cùng đoàn, mức chi tặng phẩm đối với Phu nhân (Phu quân) 700.000 đồng/người. Trường hợp đặc biệt theo yêu cầu đối ngoại hoặc theo thông lệ ngoại giao giữa hai nước, thủ trưởng cơ quan đón tiếp đoàn xem xét, quyết định việc tặng phẩm tặng thành viên chính thức và quan chức tùy từng trong kế hoạch, đề án đón đoàn, mức chi: 400.000 đồng/người.

8. Chi đưa đoàn khách nước ngoài đi công tác tại địa phương và cơ sở, chi đưa khách đi tham quan, chi tiếp khách trong trường hợp đoàn vào làm việc với nhiều cơ quan, đơn vị thực hiện theo các mức chi tại Điều 2 của Nghị quyết này. Đối với cán bộ công chức tỉnh Quảng Ngãi được cử tham gia đoàn tháp tùng đi thăm và làm việc ở địa phương thực hiện theo Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi và quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị.

Điều 3. Mức chi tổ chức hội nghị quốc tế tại tỉnh Quảng Ngãi

1. Mức chi hội nghị quốc tế tổ chức tại tỉnh Quảng Ngãi do tỉnh Quảng Ngãi đài thọ toàn bộ chi phí được chi như sau:

a) Đối với khách mời là đại biểu quốc tế do tỉnh Quảng Ngãi đài thọ được áp dụng các mức chi quy định tại Điều 2 nêu trên.

b) Chi giải khát giữa giờ (áp dụng cho cả đại biểu và phiên dịch phía Quảng Ngãi): Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 2 nêu trên.

c) Chế độ đối với cán bộ, công chức tỉnh Quảng Ngãi tham gia đón, tiếp khách quốc tế, phục vụ hội nghị quốc tế: Mức chi thực hiện theo Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi và quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị.

d) Đối với các khoản chi phí khác trực tiếp phục vụ hội nghị, cụ thể

Mức chi thù lao cho diễn giả, học giả (nếu có): Do thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì hội nghị quyết định trên cơ sở thỏa thuận tùy theo tính chất, phạm vi công việc, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác đảm bảo phù hợp với khả năng nguồn kinh phí tổ chức hội nghị.

Chi dịch thuật: Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 2 nêu trên.

Chi giấy bút, văn phòng phẩm, in ấn tài liệu, tuyên truyền, trang trí, thuê hội trường hoặc phòng họp, thuê thiết bị (nếu có), tiền làm cờ, phù hiệu hội nghị, chi thuê phiên dịch, bảo vệ, thuốc y tế, các khoản chi cần thiết khác (nếu có) phải trên cơ sở thực sự cần thiết và trong dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với chi hội nghị quốc tế tổ chức tại tỉnh Quảng Ngãi do phía tỉnh Quảng Ngãi và phía nước ngoài phối hợp tổ chức:

a) Khi xây dựng dự toán cần làm rõ những nội dung thuộc trách nhiệm của phía nước ngoài chi, những nội dung thuộc trách nhiệm của phía tỉnh Quảng Ngãi chi để tránh chi trùng.

b) Những nội dung chi thuộc trách nhiệm của phía tỉnh Quảng Ngãi thì phải căn cứ vào chế độ chi tiêu hiện hành và các mức chi được quy định tại khoản 1 Điều này để thực hiện.

Điều 4. Chế độ chi tiếp khách trong nước

1. Chi giải khát: Mức chi 30.000 đồng/buổi (nửa ngày)/người.

2. Chi mời cơm: Mức chi 300.000 đồng/suất (đã bao gồm đồ uống).

3. Đối tượng khách được mời cơm

a) Các cơ quan gồm: Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Huyện uỷ, Thành uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các huyện, thành phố được tổ chức mời cơm thân mật, tiếp các đoàn khách đến thăm và làm việc.

b) Các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh, huyện, thành phố và UBND cấp xã được tổ chức mời cơm thân mật các đoàn khách, gồm: đoàn khách là Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; đoàn khách là người dân tộc thiểu số, già làng, trưởng bản, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; các đoàn khách đến cứu trợ, viện trợ, tài trợ, thăm hỏi khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh; các đoàn khách của Bộ, ngành, Trung ương và các địa phương khác đến thăm và làm việc với các cơ quan, đơn vị trong tỉnh.

c) Các cơ quan, đơn vị căn cứ vào khả năng ngân sách và dự toán được cấp có thẩm quyền giao để chi tiếp khách đúng đối tượng.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XII, Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 10 tháng 4 năm 2019, có hiệu lực từ ngày 20 tháng 4 năm 2019 và thay thế Nghị quyết số 06/2010/NQ-HĐND ngày 16 tháng 4 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ chi tiêu tiếp khách tại tỉnh Quảng Ngãi./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBNDQH;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND, UBND tỉnh, UBNDTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc cho Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội bầu ở tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, Hội, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan ngành dọc TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- VP: UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- VP HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng, CV;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Lưu: VT, BKTNS (01).A180.

CHỦ TỊCH



Bùi Thị Quỳnh Vân